

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA**

Số: 76 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Pa, ngày 09 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Văn bản số 154/CV-TCKH ngày 08/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2020 của huyện Ia Pa, như sau:

(chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*He*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Ban KTXH HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MT, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Hùng

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.000,00	4.888,49	38%	137%
I	Thu nội địa	13.000,00	4.888,49	38%	137%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp NN	-	10,24		100%
2	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5.300,00	2.017,27	38%	163%
3	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (do tính cấp quyền khai thác)				
4	Thu tiền sử dụng đất	1.940,00	95,11	5%	34%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1,09		
6	Lệ phí trước bạ	1.500,00	160,43	11%	40%
7	Phí và lệ phí	730,00	297,44	41%	91%
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.150,00	258,39	22%	89%
9	Tiền cho thuê đất	200,00	131,28	66%	806%
10	Thu phạt và thu khác ngân sách	2.060,00	1.846,86	90%	229%
11	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý	120,00		0%	
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản		70,38		35%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	10.225	4.386	43%	139%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	10.225	4.386	43%	139%

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	297.255	168.031	57%	117%
I	Thu cân đối NSNN	11.620	4.386	38%	139%
1	Thu nội địa	11.620	4.386	38%	139%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	16.852	64.870	385%	80%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	268.783	98.775	37%	167%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	297.255	56.026	19%	93%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	270.460	50.232	19%	92%
1	Chi đầu tư phát triển	17.225	1.000	6%	10%
2	Chi thường xuyên	247.165	49.232	20%	111%
3	Dự phòng ngân sách	6.070	-	0%	
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	26.795	5.794	22%	96%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	297.255	56.026	19%	93%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	270.460	50.232	19%	92%
I	Chi đầu tư phát triển	17.225	1.000	6%	10%
1	Chi đầu tư cho các dự án	15.240		0%	0%
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	-			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.940		0%	
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn 50% tăng thu dự toán	985		0%	
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.000	1.000	100%	100%
II	Chi thường xuyên	247.165	49.232	20%	111%
	Trong đó:	-			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	132.157	26.652	20%	103%
2	Chi khoa học và công nghệ	732		0%	
3	Chi 50% từ dự toán tăng thu thu tương ứng	985		0%	
III	Dự phòng ngân sách	6.070		0%	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	26.795	5.794	22%	96%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-			